

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/02/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thân

2. Ông Trần Quốc Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Giao – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Sông Công tham gia phiên tòa: Ông Vũ
Đại Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn
thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc Tranh chấp hôn
nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST-HNGĐ
ngày 12/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã Q, TP. S, tỉnh Thái Nguyên

Bị Đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã Q, TP. S, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, các lời khai tại Tòa án trong quá
trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Trần Văn H kết hôn năm 2013 đăng ký tại UBND xã Tân Quang,
thành phố Sông Công, Thái Nguyên, kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc. Thời
gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng xảy ra nhiều
mâu thuẫn không có tiếng nói chung vì anh H thường xuyên uống rượu về chửi
mắng đánh vợ con hiện nay vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 đến
nay. Hiện nay chị đang sống ở nhà bố mẹ đẻ ở TDP Nha Làng, phường Lương

Son, thành phố Sông Công. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 03 con chung là Trần Thu H sinh ngày 28/9/2013, Trần Ngọc D sinh ngày 05/05/2015, Trần Ánh L sinh ngày 13/12/2017. Hiện cả 3 con đang sinh sống với bố. Quá trình giải quyết vụ án chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:**

Anh không nhớ ngày đăng ký kết hôn và không nhớ ngày cưới, chỉ nhớ là chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quang, thị xã Sông Công (nay là TP Sông Công). Khi kết hôn anh và chị T đều tự nguyện. Chị T kết hôn lần đầu, còn anh đã từng ly hôn một lần. Cưới hỏi xong, chị T về nhà chồng làm dâu. Khi về nhà chồng chị T không mang theo tài sản riêng gì có giá trị ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng ăn ở riêng.

Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn cãi đánh nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Nguyên nhân thì do vợ chồng cãi đánh nhau, bất đồng trong việc dạy con, và nhiều chuyện nhỏ nhặt khác. Anh đã xin lỗi và đến đón vợ tôi quay về 2 lần nhưng về được một vài tuần thì vợ chồng cãi nhau nên chị T lại bỏ đi. Đến lần thứ 3 thì anh không đón nữa. Vợ chồng đã ly thân từ giữa tháng 7 âm lịch năm 2024 cho đến nay, thỉnh thoảng cuối tuần chị T về thăm con, anh cũng đã xin lỗi vợ nhiều lần, mong vợ quay về nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn với anh. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2023, anh có bị tai nạn xe máy nghiêm trọng ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, nên tính nết cũng thay đổi, khó tính hơn. Nhiều khi chán nản vì sức khỏe không được như trước anh có hay uống rượu say, nhiều lần chửi bới chị T và đuổi chị T đi. Gia đình nội ngoại đều biết và động viên vợ chồng anh nhưng không thành. Anh H xác định vẫn yêu thương vợ con, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 03 con chung là Trần Thu Hsinh ngày 28/9/2013, Trần Ngọc D sinh ngày 05/05/2015, Trần Ánh L sinh ngày 13/12/2017. Nếu vợ tôi kiên quyết ly hôn, thì anh đề nghị được nuôi cả 3 con. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào ý kiến, quan điểm của Nguyên

đơn và các tài liệu chứng cứ Toà án thu thập được. Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh H. Giao con chung là cháu Trần Thu Hsinh ngày 28/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao hai con chung là cháu Trần Ngọc D sinh ngày 05/05/2015 và cháu Trần Ánh L sinh ngày 13/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn H cư trú tại xóm T, xã Q, TP. S, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên là cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của các bên đương sự cho thấy: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, anh H và chị T đều làm công nhân tự do, cuộc sống kinh tế gia đình không đến nỗi khó khăn. Nhưng một vài năm gần đây do anh H hay uống rượu, không làm chủ được bản thân, về nhà chửi bới vợ con, nghi ngờ ghen tuông vô cớ đối với chị T khiến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần cãi chửi nhau thậm tệ. Gia đình nội ngoại hai bên cũng đã động viên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Chị T nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh H cũng đã đến xin lỗi và đón chị T về nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nên từ khoảng giữa năm 2024 chị T đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thời gian đầu do anh H không đồng ý ly hôn, nên không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho chị T. Tuy nhiên đến tại phiên tòa, anh H cũng xác định thời gian qua anh đã cố gắng để níu kéo tình cảm của chị T, giữ gìn hạnh phúc gia đình muốn để qua tết nguyên đán 2025 để chị T suy nghĩ lại, nhưng chị T không về ăn tết với bố con anh nên nay anh đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã ở mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do vậy căn

cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 03 con chung là Trần Thu Hsinh ngày 28/9/2013, Trần Ngọc D sinh ngày 05/05/2015, Trần Ánh L sinh ngày 13/12/2017. Kể từ khi vợ chồng ly thân, cả 3 con chung đều sinh sống với bố. Xét thấy cả hai bên đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung. Tuy nhiên, sau khi xem xét về công việc, thu nhập, nơi ở của anh H và chị T, ý kiến trình bày của các con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo tính ổn định trong việc học tập và nơi sinh sống của các con chung cần giao cháu Hoài và cháu Linh cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Diễm cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Sau khi ly hôn, anh H và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thu Hsinh ngày 28/9/2013 và Trần Ánh L sinh ngày 13/12/2017 cho anh Trần Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Trần Ngọc D sinh ngày 05/05/2015 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000776 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP Sông Công;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- UBND xã Tân Quang;
- Lưu: Hồ sơ,
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan

